BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc
----------o0o----------

ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Nga Khóa: 2018

Năm học: 2018-2019 Học kỳ: Kỳ 1 Môn: RUS5102 THỰC HÀNH TIẾNG 3A

Ngày thi 09/01/2019

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	CC 10%	BT 10%	GK 20%	CK 60%	Điểm	Ghi chú
1	1707020005	Mai Lê Đức Anh	11/01/1997	0.0	2.5	1.0	CT		**ĐKT**
2	1707020072	Hoàng Cao Minh	02/09/1998	0.0	6	4.0	CT		**ĐKT**
3	1807020001	Nguyễn Thu An	19/09/2000	8.3	7.9	6.5	7.5	**7.42**	
4	1807020005	Nguyễn Phương Anh	09/12/2000	6.5	7.5	6.5	2.5	**4.20**	
5	1807020006	Nguyễn Vũ Mai Anh	15/08/2000	8.3	8.2	5.5	4.5	**5.45**	
6	1807020008	Trần Thị Phương Anh	17/01/2000	10.0	9.7	6.0	6.5	**7.07**	
7	1807020010	Vũ Ngọc Anh	25/11/2000	0.0	0.0	0.0	CT		**ĐKT**
8	1807020011	Đinh Hồng Ánh	18/10/2000	0.0	0.0	4.0	CT		**ĐKT**
9	1807020012	Nguyễn Lê Ngọc Ánh	12/02/2000	7.4	9.3	7.0	4.5	**5.77**	
10	1807020013	Trần Ngọc Ánh	24/02/2000	10.0	9.4	9.5	9.0	**9.24**	
11	1807020014	Trần Đức Cường	23/04/2000	4.8	4.9	6.0	3.0	**3.97**	
12	1807020015	Nguyễn Ngọc Minh Châu	13/10/2000	6.5	8.6	6.5	7.0	**7.01**	
13	1807020017	Trần Thùy Chi	24/09/2000	10.0	9.8	8.5	8.0	**8.48**	
14	1807020019	Đặng Thị Kim Dung	03/11/2000	10.0	9.7	8.5	8.5	**8.77**	
15	1807020020	Hoàng Thị Kim Dung	30/12/2000	8.3	8.8	8.0	8.0	**8.11**	
16	1807020021	Nguyễn Thị Dung	20/11/2000	10.0	9.9	8.5	9.0	**9.09**	
17	1807020022	Nguyễn Thị Hoàng Dung	30/11/2000	0.0	3.5	2.0	CT		**ĐKT**
18	1807020023	Trần Thế Dũng	15/11/2000	7.4	9.3	9.5	8.0	**8.37**	
19	1807020026	Phùng Thị Thùy Dương	26/05/2000	8.3	6.4	7.5	5.0	**5.97**	
20	1807020029	Lê Trường Giang	09/10/2000	3.0	5.4	8.0	3.0	**4.24**	
21	1807020031	Nguyễn Thị Hương Giang	12/08/2000	4.8	7.5	6.0	3.5	**4.53**	
22	1807020032	Đỗ Thu Hà	24/08/2000	8.3	8.2	8.0	4.0	**5.65**	
23	1807020035	Nguyễn Thanh Hằng	11/02/2000	10.0	9.5	7.0	7.0	**7.55**	
24	1807020036	Phạm Thị Minh Hằng	05/11/2000	8.3	8.0	5.5	3.0	**4.53**	
25	1807020037	Đỗ Hoàng Hiếu	09/10/1999	3.9	5.0	8.0	9.0	**7.89**	
26	1807020038	Nguyễn Minh Hiếu	11/08/2000	10.0	9.6	8.5	8.0	**8.46**	
27	1807020039	Vũ Minh Hiếu	29/10/2000	0.4	6.0	7.5	4.0	**4.54**	
28	1807020041	Đỗ Đình Hòa	25/10/2000	0.0	0.0	0.0	CT		**ĐKT**
29	1807020044	Dương Thị Huyền	16/02/2000	8.3	9.2	8.0	9.5	**9.05**	
30	1807020045	Lê Nguyễn Ngọc Huyền	19/08/2000	10.0	9.2	8.0	8.0	**8.32**	
31	1807020046	Lê Thị Khánh Huyền	25/05/1999	0.0	5.8	7.5	CT		**ĐKT**
32	1807020047	Nguyễn Phương Huyền	07/06/2000	9.1	9.2	6.5	7.0	**7.33**	
33	1807020048	Nguyễn Thị Khánh Huyền	19/02/2000	7.4	9.0	5.0	3.5	**4.74**	
34	1807020049	Phạm Thanh Huyền	10/12/2000	9.1	7.3	8.0	8.0	**8.04**	
35	1807020050	Nguyễn Linh Hương	12/11/2000	10.0	8.5	7.5	7.0	**7.55**	
36	1807020051	Nguyễn Thị Thanh Hương	22/10/2000	10.0	10.0	9.0	9.5	**9.50**	
37	1807020052	Nguyễn Thị Thu Hương	27/01/2000	10.0	8.7	7.0	6.5	**7.17**	
38	1807020053	Chu Thị Vân Hường	31/05/2000	6.5	9.4	7.5	8.5	**8.19**	

39	1807020055	Hồ Hoàng Minh Khuê	11/01/2000	9.1	8.0	7.0	5.5	**6.41**	
40	1807020056	Châu Chí Lâm	20/11/2000	0.0	5.5	5.0	CT		**ĐKT**
41	1807020058	Lê Đào Ngọc Linh	26/09/2000	0.0	3.6	6.5	CT		**ĐKT**
42	1807020059	Lê Đặng Bảo Linh	05/06/2000	10.0	9.2	7.5	9.5	**9.12**	
43	1807020060	Ngô Thùy Linh	24/09/1999	8.3	5.7	2.0	2.0	**3.00**	
44	1807020061	Nguyễn Hà Linh	18/11/2000	10.0	9.5	9.0	9.5	**9.45**	
45	1807020062	Nguyễn Ngọc Linh	16/02/2000	6.5	7.6	3.0	3.5	**4.11**	
46	1807020064	Nguyễn Phương Linh	18/03/2000	9.1	9.6	7.5	8	**8.17**	
47	1807020065	Nguyễn Thị Linh	29/10/2000	9.1	7.8	7.0	9.0	**8.49**	
48	1807020068	Phan Thùy Linh	28/02/2000	10.0	6.5	7.5	9.0	**8.55**	
49	1807020069	Trần Lê Hoài Linh	24/06/2000	7.4	9.0	6.5	8.0	**7.74**	
50	1807020070	Trần Thị Hoài Linh	08/12/2000	3.9	5.1	5.5	4.5	**4.70**	
51	1807020071	Vũ Khánh Linh	09/02/2000	8.3	8.7	5.0	7.0	**6.90**	
52	1807020072	Khúc Thị Phương Loan	14/03/2000	9.1	8.3	7.0	6.5	**7.04**	
53	1807020074	Đặng Khánh Ly	08/01/2000	6.5	9.2	7.0	7.0	**7.17**	
54	1807020076	Phạm Lê Hiền Ly	08/12/2000	8.3	7.8	8.5	8.5	**8.41**	
55	1807020079	Lại Thị Mai	22/12/2000	10.0	9.4	8.5	9.0	**9.04**	
56	1807020080	Nguyễn Như Mai	01/06/2000	10.0	8.5	8.5	9.5	**9.25**	
57	1807020081	Nguyễn Thị Phương Mai	26/11/2000	10.0	8.5	8.0	8.5	**8.55**	
58	1807020082	Phạm Thị Ngọc Mai	18/02/2000	10.0	9.2	7.5	9.0	**8.82**	
59	1807020083	Vũ Thị Tuyết Mai	02/05/2000	10.0	9.4	6.5	7.5	**7.74**	
60	1807020084	Nguyễn Hà Mi	22/11/2000	5.7	7.5	3.5	4	**4.42**	
61	1807020086	Lê Thị My	04/03/2000	1.3	5.4	8.5	6.0	**5.97**	
62	1807020088	Trần Thị Thanh Nga	12/07/2000	10.0	9.4	8.5	8.0	**8.44**	
63	1807020090	Nguyễn Thị Bảo Ngân	16/08/2000	6.5	7.8	5.5	2.5	**4.03**	
64	1807020093	Nguyễn Thúy Ngọc	09/04/2000	10.0	8.3	9.5	9.0	**9.13**	
65	1807020094	Quách Bích Ngọc	12/01/2000	3.9	8.0	9.0	9.5	**8.69**	
66	1807020095	Trần Bảo Ngọc	21/09/2000	0.0	5.3	8.0	CT		**ĐKT**
67	1807020096	Bùi Thị Minh Nguyên	28/11/2000	10.0	9.2	6.0	7.5	**7.62**	
68	1807020097	Bùi Thị Thảo Nguyên	01/09/2000	8.3	8.0	7.5	7.5	**7.63**	
69	1807020098	Vũ Thị Minh Nguyệt	10/08/1998	8.3	9.3	8.5	7.5	**7.96**	
70	1807020099	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/04/2000	10.0	9.3	4.5	7.5	**7.33**	
71	1807020100	Nguyễn Thị Nhung	12/09/2000	8.3	9.0	7.5	9.0	**8.63**	
72	1807020101	Nguyễn Trang Nhung	17/01/2000	5.7	6.4	8.0	8.0	**7.61**	
73	1807020102	Nguyễn Diệu Oanh	17/10/2000	10.0	10.0	9.0	7.5	**8.30**	
74	1807020103	Phạm Nguyễn Minh Phúc	10/06/2000	3.9	7.1	3.0	6.5	**5.60**	
75	1807020105	Nguyễn Đăng Phương	17/10/2000	0.0	0.0	0.0	CT		**ĐKT**
76	1807020106	Nguyễn Đăng Phương	29/05/2000	10.0	9.0	9.0	9.0	**9.10**	
77	1807020108	Nguyễn Thị Phương	20/01/2000	10.0	9.7	7.0	9.0	**8.77**	
78	1807020109	Nguyễn Thu Phương	22/02/2000	10.0	9.8	8.0	9.0	**8.98**	
79	1807020110	Trần Minh Quang	20/04/2000	8.3	7.8	6.5	6.0	**6.51**	
80	1807020111	Trịnh Lê Quang	22/11/2000	4.8	8.7	6.5	7.0	**6.85**	
81	1807020113	Lê Diễm Quỳnh	03/02/2000	10.0	8.0	6.5	6.0	**6.70**	
82	1807020114	Phan Thị Thúy Quỳnh	20/01/2000	6.5	8.0	7.5	9.0	**8.35**	
83	1807020116	Lại Thị Tâm	28/04/2000	8.3	8.5	9.0	7.5	**7.98**	
84	1807020117	Vũ Thị Thanh Tâm	26/01/2000	10.0	9.0	8.0	9.5	**9.20**	
85	1807020118	Dương Thị Thanh Tú	18/04/2000	6.5	7.7	5.0	5.5	**5.72**	

86	1807020119	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/04/2000	4.8	7.6	9.0	7.0	**7.24**	
87	1807020120	Nguyễn Thị Thảo	14/01/2000	10.0	9.0	5.5	6.0	**6.60**	
88	1807020121	Trần Phương Thảo	13/07/2000	6.5	8.3	4.0	4.5	**4.98**	
89	1807020122	Lê Đức Thắng	07/01/2000	3.9	6.9	6.5	0.0	**2.38**	**BỎ THI CK**
90	1807020123	Nguyễn Thị Minh Thu	30/08/2000	10.0	9.0	7.5	7.5	**7.90**	
91	1807020124	Nguyễn Thị Xuân Thu	21/09/2000	10.0	9.1	9.0	7.0	**7.91**	
92	1807020126	Nguyễn Thị Thủy	20/01/2000	10.0	9.3	7.5	8	**8.23**	
93	1807020127	Nguyễn Thu Thủy	24/07/2000	6.5	8.5	7.5	7.0	**7.20**	
94	1807020128	Phạm Diệu Thúy	19/12/2000	0.0	5.0	3.5	CT		**ĐKT**
95	1807020131	Đào Thị Thu Trang	20/01/2000	10.0	9.1	3.5	6.5	**6.51**	
96	1807020133	Hoàng Thị Hà Trang	03/11/2000	9.1	9.2	7.0	7.5	**7.73**	
97	1807020134	Nguyễn Cẩm Trang	05/11/2000	10.0	9.5	8.0	8.0	**8.35**	
98	1807020137	Phạm Thu Trang	09/02/2000	10.0	10.0	10.0	10.0	**10.00**	
99	1807020138	Trần Thị Thu Trang	09/07/2000	3.0	8.4	8.0	6.0	**6.34**	
100	1807020140	Trần Thu Trang	12/07/2000	5.7	8.5	7.0	6.5	**6.72**	
101	1807020142	Vũ Thị Thu Trang	29/05/2000	7.4	8.7	5.5	5.0	**5.71**	
102	1807020143	Đặng Việt Trinh	30/06/2000	3.9	8.0	8.0	6.5	**6.69**	
103	1807020144	Nguyễn Văn Trường	30/05/2000	10.0	8.2	7.5	8.5	**8.42**	
104	1807020145	Nguyễn Hà Phương Uyên	29/11/2000	7.4	8.0	3.5	3.5	**4.34**	
105	1807020147	Đỗ Khánh Vân	05/06/2000	10.0	10.0	9.5	9.5	**9.60**	
106	1807020148	Hoàng Thị Vân	25/01/2000	8.3	8.8	7.0	9.0	**8.51**	
107	1807020149	Lê Thị Kiều Vân	16/07/2000	10.0	9.2	5.5	4.5	**5.72**	
108	1807020150	Nguyễn Thanh Vân	18/09/2000	10.0	9.0	7.0	8.0	**8.10**	
109	1807020152	Khuất Thị Thanh Xuân	03/12/2000	10.0	8.4	8.0	7.5	**7.94**	
110	1807020153	Nguyễn Thị Hải Yến	22/12/2000	10.0	9.8	8.0	9.0	**8.98**	
111	1807020155	Vũ Thị Hải Yến	30/07/2000	10.0	8.8	6.0	7.0	**7.28**	

Hà Nội, Ngày …... tháng …..... năm 2019

Người lập biểu **Ban chủ nhiệm khoa**

Đỗ Thị Hồng Nhung

4
8
4
0

6
0
12
8
0
0
4
0

6
4
16
12
4
0
4
14
0
22

4
0

2
6
2
0
0
0
8

2

0
4
0
8
2
2
0
6
14
4
2
8
4
0
0
0
0
0
10
20
0
8
0
14

0
4
4
0
4
10
0
14

0
0
0
4
12
0
8
4
0
8

12
0
8
14
0
0
0
8

0
2
0
0
16
10
6
14
0
6
0
4
0
0
0
0
0